TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
2025.08.15 12:34:45 +07'00'

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HÒA THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 417/CBTT-HT

Đà Nẵng, *ngày 14 tháng 08 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : **Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

- Mã chứng khoán: HTG
- Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.3673215
- Fax: 0236.3846290
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Cường
- Chức vụ: Giám đốc điều hành – Người ủy quyền Công bố thông tin

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên cho kỳ kết thúc ngày 30/06/2025
- Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên cho kỳ kết thúc ngày 30/06/2025
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: https://hoatho.com.vn/quan-he-co-dong/tinh-hinh-tai-chinh/2025-1

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng 6 tháng 2025
- Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2025
- Giải trình biến động LNST 6 tháng 2025

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Văn Cường

KPMG

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 11 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
	Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
	Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
Ban điều hành	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam *(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:* *36 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ* *Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)*	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành

M.S.D.N: 0400101556 C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 25-04-00041-25-1

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Wang Toon Kim	Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2023-007-1	Kiểm toán số: 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.252.135.854.606**	**2.017.951.716.064**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**8**	**517.468.064.992**	**454.019.286.437**
Tiền	111		16.839.064.992	9.182.286.437
Các khoản tương đương tiền	112		500.629.000.000	444.837.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**307.890.000.000**	**248.647.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	307.890.000.000	248.647.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**635.450.396.609**	**530.504.060.137**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	616.589.043.309	514.308.817.115
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.990.046.916	5.713.680.483
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11(b)	2.342.860.000	2.342.860.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	11.362.190.420	12.972.446.575
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(4.833.744.036)	(4.833.744.036)
Hàng tồn kho	**140**	**14**	**742.515.763.733**	**735.218.741.888**
Hàng tồn kho	141		742.784.687.460	736.745.779.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(268.923.727)	(1.527.037.988)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**48.811.629.272**	**49.562.627.602**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	9.557.215.413	10.319.739.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.744.436.155	39.242.888.201
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	4.509.977.704	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**696.703.967.917**	**741.642.042.249**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.794.895.192**	**2.994.672.947**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11(b)	1.171.430.000	2.342.860.000
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	623.465.192	651.812.947
Tài sản cố định	**220**		**554.193.795.210**	**583.735.210.995**
Tài sản cố định hữu hình	221	15	552.981.256.514	582.112.354.358
Nguyên giá	*222*		*1.859.637.003.667*	*1.832.499.725.898*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.306.655.747.153)*	*(1.250.387.371.540)*
Tài sản cố định vô hình	227	16	1.212.538.696	1.622.856.637
Nguyên giá	*228*		*12.331.167.538*	*12.331.167.538*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(11.118.628.842)*	*(10.708.310.901)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.374.735.130**	**16.435.146.507**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.374.735.130	16.435.146.507
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**101.770.898.200**	**101.737.759.386**
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	6.900.000.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(8.306.001.800)	(9.194.842.614)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**36.569.644.185**	**36.739.252.414**
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	35.520.255.486	35.172.340.594
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.049.388.699	1.566.911.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.948.839.822.523**	**2.759.593.758.313**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.957.396.510.145**	**1.907.840.845.249**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.747.532.930.051**	**1.700.143.992.056**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	227.745.433.874	270.172.771.050
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.698.622.231	7.761.349.325
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	69.561.801.573	30.502.353.409
Phải trả người lao động	314		337.933.203.156	310.660.767.533
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.169.816.530	5.760.255.516
Doanh thu chưa thực hiện - ngắn hạn	318		920.165.933	87.787.572
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	25.691.840.112	133.717.795.119
Vay ngắn hạn	320	24(a)	965.581.954.485	866.486.025.141
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	107.230.092.157	74.994.887.391
Nợ dài hạn	**330**		**209.863.580.094**	**207.696.853.193**
Vay dài hạn	338	24(b)	209.863.580.094	207.696.853.193
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**991.443.312.378**	**851.752.913.064**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**26**	**991.443.312.378**	**851.752.913.064**
Vốn cổ phần	411	27	360.027.080.000	360.027.080.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*360.027.080.000*	*360.027.080.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	250.148.011.222	208.385.253.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		381.268.221.156	283.340.579.817
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*200.006.728.242*	*153.262.791.808*
- *LNST kỳ này/ năm nay*	*421b*		*181.261.492.914*	*130.077.788.009*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.948.839.822.523**	**2.759.593.758.313**

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:		Người duyệt
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0400101556 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ - Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**31**	**2.456.939.286.801**	**2.118.303.942.726**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**31**	**49.080.083**	**59.147.082**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**31**	**2.456.890.206.718**	**2.118.244.795.644**
Giá vốn hàng bán	**11**	**32**	**2.142.520.176.814**	**1.874.814.635.386**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**314.370.029.904**	**243.430.160.258**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	58.239.731.414	47.593.458.193
Chi phí tài chính	22	34	34.663.363.249	34.045.734.083
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*20.790.210.020*	*16.794.243.964*
Chi phí bán hàng	25	35	35.623.526.159	40.776.674.262
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	82.447.664.307	74.053.135.087
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**219.875.207.603**	**142.148.075.019**
Thu nhập khác	31	37	5.298.815.582	5.656.025.455
Chi phí khác	32	38	886.678.639	1.332.244.535
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**4.412.136.943**	**4.323.780.920**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**224.287.344.546**	**146.471.855.939**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**40**	**42.508.328.511**	**27.784.969.717**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**40**	**517.523.121**	**690.934.669**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**181.261.492.914**	**117.995.951.553**

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:		Người duyệt
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**224.287.344.546**	**146.471.855.939**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		57.701.878.952	50.395.381.246
Các khoản dự phòng	03		(2.146.955.075)	(3.386.784.143)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.232.939.532	9.096.972.191
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(19.965.148.812)	(12.363.233.436)
Chi phí lãi vay	06		20.790.210.020	16.794.243.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**287.900.269.163**	**207.008.435.761**
Biến động các khoản phải thu	09		(102.020.149.839)	(48.346.090.175)
Biến động hàng tồn kho	10		(6.038.907.584)	(169.235.945.992)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		29.259.932.044	19.982.943.890
Biến động chi phí trả trước	12		414.609.096	(3.178.490.472)
			209.515.752.880	**6.230.853.012**
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.628.502.260)	(16.844.067.010)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	21(b)	(23.513.820.238)	(19.172.554.130)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		300.000.000	300.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	25	(9.635.888.834)	(10.076.166.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**156.037.541.548**	**(39.561.934.785)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(40.705.770.172)	(59.222.680.365)
Tiền (chi)/thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		(37.037.037)	24.292.929
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(346.240.000.000)	(211.921.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		288.168.430.000	192.275.132.730
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		655.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		18.448.256.497	12.512.248.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(79.711.120.712)**	**(66.332.006.146)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.017.090.738.016	1.909.274.079.589
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.923.486.266.297)	(1.560.838.279.855)
Tiền trả cổ tức	36		(106.482.114.000)	(123.793.465.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(12.877.642.281)**	**224.642.334.734**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**63.448.778.555**	**118.748.393.803**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**454.019.286.437**	**201.947.046.193**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**8**	**517.468.064.992**	**320.695.439.996**

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:		Người duyệt
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0400101556 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ ★ Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Trụ sở chính	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007. Bao gồm các chi nhánh hoạt động trên cùng địa bàn: - Nhà máy May Hòa Thọ 1 - Nhà máy May Veston Hòa Thọ - Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1 - Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2 - Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ - Trung tâm Thương mại Hòa Thọ
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2025: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 8.947 nhân viên (1/1/2025: 8.776 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty, công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	53.580.000	76.303.000
Tiền gửi ngân hàng	16.785.484.992	9.105.983.437
Các khoản tương đương tiền	500.629.000.000	444.837.000.000
	517.468.064.992	454.019.286.437

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 1,9% đến 4,75% (1/1/2025: từ 0,5% đến 4,75%).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	307.890.000.000	307.890.000.000	248.647.000.000	248.647.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,1% đến 5,8% (1/1/2025: từ 3,0% đến 5,7%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 13.000 triệu VND (1/1/2025: 13.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2025					1/1/2025				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	775.863	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	775.863	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Đà Nẵng	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Đà Nẵng	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Đà Nẵng	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	-
					92.748.900.000	-				92.748.900.000	-
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Đà Nẵng	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Đà Nẵng	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(2.006.001.800)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(2.389.163.963)
					10.428.000.000	(2.006.001.800)				10.428.000.000	(2.389.163.963)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	30/6/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	1/1/2025 Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	-	-	-	-	-	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Đà Nẵng	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					6.900.000.000	(6.300.000.000)				7.755.702.000	(6.805.678.651)
					110.076.900.000	(8.306.001.800)				110.932.602.000	(9.194.842.614)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	235.864.276.189	160.078.938.476
Haggar Clothing Co.	93.724.724.017	124.387.033.539
Các khách hàng khác	287.000.043.103	229.842.845.100
	616.589.043.309	514.308.817.115

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 177.606 triệu VND (1/1/2025: 118.460 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	88.717.898	121.055.860
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	19.620.724.956	20.192.693.735
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	4.682.472.739	253.996.985
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	53.265.600
	24.391.915.593	20.621.012.180

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan - công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	3.514.290.000	4.685.720.000

(*) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 7,1%/năm (1/1/2025: 6,7%/năm) và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.342.860.000
Dài hạn	1.171.430.000	2.342.860.000
	3.514.290.000	4.685.720.000

12. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền lãi phải thu	4.273.426.254	3.937.823.412
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	197.456.250	164.456.250
Tạm ứng nhân viên	2.164.583.121	1.442.764.174
Thuế nhập khẩu tạm nộp	227.584.532	339.996.504
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	2.188.604.189	6.356.296.046
Tiền cổ tức phải thu	1.163.794.500	-
Phải thu khác	1.146.741.574	731.110.189
	11.362.190.420	12.972.446.575

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	623.465.192	651.812.947

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2025				1/1/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi			(4.833.744.036)				(4.833.744.036)	

14. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	88.951.636.137	-	100.570.842.242	(487.038.128)
Nguyên vật liệu	190.696.197.164	-	200.428.392.593	(294.882.197)
Công cụ và dụng cụ	1.419.066.648	-	1.157.040.304	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	377.657.353.931	-	332.829.748.019	(311.122.549)
Thành phẩm	29.188.775.442	(66.967.955)	24.161.375.051	(133.125.196)
Hàng hóa	3.452.788.554	(13.842.727)	4.588.938.731	-
Hàng gửi đi bán	51.418.869.584	(188.113.045)	73.009.442.936	(300.869.918)
	742.784.687.460	(268.923.727)	736.745.779.876	(1.527.037.988)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 1.141 triệu VND (1/1/2025: 88.152 triệu VND) thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 729.838 triệu VND (1/1/2025: 644.600 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	441.751.818.199	1.143.388.530.168	132.849.312.710	10.127.057.047	104.383.007.774	1.832.499.725.898
Tăng trong kỳ	1.079.386.148	2.391.863.388	379.618.183	391.737.500	1.533.757.667	5.776.362.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.887.889.878	18.510.643.118	1.739.979.478	-	406.240.000	22.544.752.474
Thanh lý	-	(1.183.837.591)	-	-	-	(1.183.837.591)
Số dư cuối kỳ	444.719.094.225	1.163.107.199.083	134.968.910.371	10.518.794.547	106.323.005.441	1.859.637.003.667
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	209.357.801.300	879.977.624.403	59.280.236.710	8.431.999.628	93.339.709.499	1.250.387.371.540
Khấu hao trong kỳ	10.696.000.229	37.339.968.480	7.096.296.902	374.577.072	1.784.718.328	57.291.561.011
Thanh lý	-	(1.023.185.398)	-	-	-	(1.023.185.398)
Số dư cuối kỳ	220.053.801.529	916.294.407.485	66.376.533.612	8.806.576.700	95.124.427.827	1.306.655.747.153
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	232.394.016.899	263.410.905.765	73.569.076.000	1.695.057.419	11.043.298.275	582.112.354.358
Số dư cuối kỳ	224.665.292.696	246.812.791.598	68.592.376.759	1.712.217.847	11.198.577.614	552.981.256.514

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 854.944 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 831.037 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 234.689 triệu VND (1/1/2025: 209.005 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	12.331.167.538
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	10.708.310.901
Khấu hao trong kỳ	410.317.941
Số dư cuối kỳ	11.118.628.842
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.622.856.637
Số dư cuối kỳ	1.212.538.696

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.659 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 8.304 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	16.435.146.507	355.340.191
Tăng trong kỳ	8.484.341.097	59.351.901.145
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.544.752.474)	(31.654.058.029)
Số dư cuối kỳ	2.374.735.130	28.053.183.307

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư thiết bị ngành sợi	1.019.846.471	16.376.257.618
Các công trình khác	1.354.888.659	58.888.889
	2.374.735.130	16.435.146.507

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trả trước phí bảo hiểm	720.568.240	2.379.021.977
Công cụ và dụng cụ	420.248.928	696.143.433
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	2.491.765.072	1.692.599.382
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.924.633.173	5.551.974.609
	9.557.215.413	10.319.739.401

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	21.187.886.016	13.984.454.578	35.172.340.594
Tăng trong kỳ	5.312.934.380	6.195.132.220	11.508.066.600
Phân bổ trong kỳ	(5.632.160.507)	(5.509.576.502)	(11.141.737.009)
Thanh lý	(18.414.699)	-	(18.414.699)
Số dư cuối kỳ	20.850.245.190	14.670.010.296	35.520.255.486

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	-	218.608.575
Doanh thu chưa thực hiện	20%	1.138.446.003	1.546.700.816
		1.138.446.003	1.765.309.391
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20%	(89.057.304)	(198.397.571)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		1.049.388.699	1.566.911.820

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Hultafors Group AB	23.416.160.397	23.110.495.965
Các nhà cung cấp khác	204.329.273.477	247.062.275.085
	227.745.433.874	270.172.771.050

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	4.094.299.005	4.584.283.628
Công ty con		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	13.301.581.684	7.477.089.706
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	8.720.187.873	2.678.305.473
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	1.744.455.256	1.369.259.585
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	2.265.263.462	6.264.687
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	-	3.051.994.197
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	13.893.727	7.644.535
Tổng công ty Cổ phần Phong Phú	-	274.347.052
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	390.593.395	180.307.585
	30.530.274.402	19.629.496.448

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.509.977.704	-	4.509.977.704

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.898.790.936	63.266.983.402	(42.542.738.794)	24.623.035.544
Thuế nhập khẩu	-	692.389.344	(692.389.344)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.504.183.001	42.508.328.511	(23.513.820.238)	42.498.691.274
Thuế thu nhập cá nhân	3.099.379.472	3.158.663.325	(6.255.457.584)	2.585.213
Tiền thuê đất	-	2.437.489.542	-	2.437.489.542
Các loại thuế khác	-	49.627.416	(49.627.416)	-
	30.502.353.409	112.113.481.540	(73.054.033.376)	69.561.801.573

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hoạt động	2.611.461.340	2.796.559.523
Chi phí lãi vay	469.617.579	307.909.819
Chi phí tiền điện, nước	2.466.848.577	2.393.272.038
Các khoản trích trước khác	621.889.034	262.514.136
	6.169.816.530	5.760.255.516

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	19.465.981.850	19.224.507.708
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	986.695.261	1.396.591.175
Cổ tức phải trả		
▪ *Tập đoàn Dệt May Việt Nam – công ty mẹ*	-	66.822.615.000
▪ *Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty*	-	226.551.000
▪ *Cổ đông khác*	3.104.310.100	42.537.258.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.134.852.901	3.510.272.136
	25.691.840.112	133.717.795.119

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	858.323.413.544	2.017.090.738.016	(1.919.640.601.791)	1.767.665.950	957.541.215.719
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	8.162.611.597	3.530.746.069	(3.845.664.506)	193.045.606	8.040.738.766
	866.486.025.141	2.020.621.484.085	(1.923.486.266.297)	1.960.711.556	965.581.954.485

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,0% - 3,4%	329.522.471.876	426.032.327.527
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,7% - 3,3%	159.314.365.617	244.600.157.644
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,5%	28.157.570.242	86.362.907.945
Vay ngân hàng 4 (i)	VND	3,0% - 3,4%	337.907.420.176	69.396.695.846
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	3,0%	70.523.569.672	-
Vay ngân hàng 6 (ii)	VND	3,0%	31.915.818.136	31.666.283.486
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	6,0%	200.000.000	265.041.096
			957.541.215.719	858.323.413.544

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 9(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 10(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 15).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	217.904.318.860	215.859.464.790
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.040.738.766)	(8.162.611.597)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	209.863.580.094	207.696.853.193

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	930.000.000	1.550.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	216.974.318.860	214.309.464.790
				217.904.318.860	215.859.464.790

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 9(a)).

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 15).

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	**30/6/2024**
	VND	**VND**
Số dư đầu kỳ	74.994.887.391	78.602.531.821
Trích lập trong kỳ	41.571.093.600	14.380.769.605
Tăng khác	300.000.000	300.000.000
Sử dụng trong kỳ	(9.635.888.834)	(10.076.166.657)
Số dư cuối kỳ	107.230.092.157	83.207.134.769

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	117.995.951.553	117.995.951.553
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	9.759.360.716	(9.759.360.716)	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(72.005.416.000)	(72.005.416.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.380.769.605)	(14.380.769.605)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	360.027.080.000	208.385.253.247	235.256.035.361	803.668.368.608
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	360.027.080.000	208.385.253.247	283.340.579.817	851.752.913.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	181.261.492.914	181.261.492.914
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	41.762.757.975	(41.762.757.975)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(41.571.093.600)	(41.571.093.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	360.027.080.000	250.148.011.222	381.268.221.156	991.443.312.378

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	36.002.708	360.027.080.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2025 và 1/1/2025 Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	**VND**	**%**
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%
	36.002.708	360.027.080.000	100%

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 144.011 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) cho năm 2024; khoản cổ tức này đã được tạm ứng qua hai đợt vào ngày 11 tháng 6 năm 2024 và ngày 21 tháng 11 năm 2024 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: cổ tức bằng tiền trị giá 126.009 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 35%/vốn điều lệ) cho năm 2023, trong đó, khoản cổ tức đã tạm ứng trong năm 2023 là 90.007 triệu VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	26.407.194.732	26.746.113.272
Trong vòng hai đến năm năm	83.256.218.702	89.905.378.893
Sau năm năm	99.657.764.774	105.231.317.379
	209.321.178.208	221.882.809.544

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị tính	30/6/2025 Số lượng	1/1/2025 Số lượng
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 1	Mét	16.332.602	12.650.039
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 2	Cái	11.946.084	16.369.521
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 3	Yard	2.398.583	2.197.318
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 4	Bộ	79.237	1.212.634
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 5	Cuộn	31.565	21.089
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 6	Đôi	6.078	-
Nguyên phụ liệu nhận gia công nhóm 7	Kilôgam	13	25

(c) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	338.125	8.756.532.410	131.013	3.309.951.503

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	162.875.000.000	137.940.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	163.103.000.000	37.790.000.000
	325.978.000.000	175.730.000.000

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.442.302.263.615	2.107.221.339.012
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14.637.023.186	11.082.603.714
	2.456.939.286.801	2.118.303.942.726
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(49.080.083)	(59.147.082)
Doanh thu thuần	2.456.890.206.718	2.118.244.795.644

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ gia công và may mặc	2.132.942.450.056	1.870.772.712.281
Giá vốn hàng bán và dịch vụ khác	10.835.841.019	7.428.707.248
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.258.114.261)	(3.386.784.143)
	2.142.520.176.814	1.874.814.635.386

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	14.442.502.664	10.821.081.507
Cổ tức được chia	5.723.094.500	1.517.859.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.071.518.311	35.251.494.349
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.615.939	3.023.337
	58.239.731.414	47.593.458.193

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	20.790.210.020	16.794.243.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.328.352.511	8.154.517.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.232.939.532	9.096.972.191
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(888.840.814)	-
Chi phí tài chính khác	200.702.000	-
	34.663.363.249	34.045.734.083

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.341.484.033	2.246.658.022
Chi phí vật liệu, bao bì	311.862.760	320.895.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.267.276	444.068.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.373.440.100	30.437.729.118
Chi phí khác	7.279.471.990	7.327.323.257
	35.623.526.159	40.776.674.262

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.094.387.015	36.284.332.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.803.743.727	5.523.842.230
Thuế, phí và lệ phí	5.878.283.700	6.927.873.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.152.356.870	11.059.861.539
Chi phí khác	16.518.892.995	14.257.225.035
	82.447.664.307	74.053.135.087

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	253.648	24.292.929
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	4.646.745.091	5.144.437.198
Các khoản thu nhập khác	651.816.843	487.295.328
	5.298.815.582	5.656.025.455

38. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	205.675.070	575.271.203
Các khoản chi phí khác	681.003.569	756.973.332
	886.678.639	1.332.244.535

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.284.106.381.134	1.165.904.183.137
Chi phí nhân viên	690.255.838.387	568.325.982.478
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.701.878.952	50.395.381.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	247.509.991.814	262.011.377.482

40. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	42.498.691.274	27.675.438.785
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	9.637.237	109.530.932
	42.508.328.511	27.784.969.717
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	517.523.121	690.934.669
	43.025.851.632	28.475.904.386

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	224.287.344.546	146.471.855.939
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	44.857.468.909	29.294.371.188
Chi phí không được khấu trừ thuế	452.927.137	399.086.942
Thu nhập không bị tính thuế	(1.144.618.900)	(303.571.800)
Biến động của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(854.685.251)	(736.744.864)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	9.637.237	109.530.932
Giảm thuế (*)	(294.877.500)	(286.768.012)
	43.025.851.632	28.475.904.386

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

.

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ - *Tập đoàn Dệt May Việt Nam*		
Mua dịch vụ	7.594.234.518	8.004.927.869
Thanh toán gốc vay	3.225.664.506	2.797.633.633
Chi phí lãi vay	6.659.081.104	7.701.553.833
Cổ tức bằng tiền	-	44.548.410.000

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.139.029.422	5.916.075.511
Mua dịch vụ	2.882.339.149	475.102.438
Thu nhập cổ tức	1.163.794.500	298.409.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	820.441.126	1.206.140.057
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.883.035.590	22.470.755.351
Thu nhập lãi từ tiền ứng trước	-	5.586.159
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.012.221.172	671.369.128
Mua dịch vụ	35.850.330.583	33.362.584.200
Thu nhập từ thanh lý tài sản	197.942.878	-
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	408.650.000
Thu nhập lãi từ tiền ứng trước	-	9.315.776
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	135.969.775	86.893.508
Mua dịch vụ	3.091.313.718	2.327.909.145
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa	32.054.954.814	24.764.653.061
Cổ tức nhận được bằng tiền	3.724.500.000	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.089.602.552	1.391.607.161
Mua hàng hóa và dịch vụ	34.616.548.552	30.411.781.794
Nhận hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	1.171.430.000
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	217.943.325	292.763.655
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	123.852.329	266.955.875
Mua dịch vụ	5.411.316.333	32.676.716.387
Cổ tức nhận được bằng tiền	642.800.000	-
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	642.800.000
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa	235.249.543	24.252.269
Mua hàng hóa và dịch vụ	53.343.629	32.279.981
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa	-	459.994.037

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	**30/6/2024**
	VND	**VND**
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín - công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty		
Mua dịch vụ	1.286.166.756	1.277.524.007
Cổ tức bằng tiền	-	151.034.000
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.315.182.815	1.235.827.518
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	7.044.351.589	7.319.105.716
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	345.141.115	344.461.042
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.389.155.166	1.615.823.135
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và tiền lương	198.997.246	46.666.662
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	60.000.000	46.666.662
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	221.333.332	207.777.775
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và tiền lương	536.730.627	46.666.662

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	217.943.325	307.665.590
Tiền thanh lý tài sản cố định nhận được thông qua bù trừ công nợ	197.942.878	-
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	-	1.486.201.500
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	1.051.450.000

43. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với số liệu trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Thùy Linh	Nguyễn Thị Tường Long	Nguyễn Ngọc Bình
Chuyên viên	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 44 /HT-TCKT *V/v Giải trình về biến động LNST 6 tháng đầu năm 2025*	*Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2025*

Kính gửi: - Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Căn cứ quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ (Tổng công ty) xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính soát xét riêng, hợp nhất của 6 tháng đầu năm 2025 so với báo cáo tài chính soát xét riêng, hợp nhất cùng kỳ, như sau:

1) Đối với kết quả hoạt động kinh doanh Tổng Công ty :

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	6 Tháng 2025	6 Tháng 2024	Tăng(+)/Giảm(-)
Báo cáo tài chính riêng			
Lợi nhuận sau thuế	**181.261.492.914**	**117.995.951.553**	+ 53,62%
Báo cáo tài chính hợp nhất			
Lợi nhuận sau thuế	**188.213.138.460**	**113.656.318.483**	+ 65,60%

2) Nguyên nhân:

Từ đầu năm đến nay, thị trường dệt may Việt Nam tăng trưởng, đơn hàng ổn định, nhu cầu và giá bán của ngành sợi được cải thiện so với cùng kỳ, cụ thể doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 tăng 13,8% so với cùng kỳ.

Việc tăng cường các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ cũng như việc kiểm soát tốt các chi phí sản xuất kinh doanh cũng đã góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh so với cùng kỳ.

Trên đây là giải trình về sự biến động Lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính soát xét riêng, hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ của Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400101556 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH